

THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ HIỆN NAY

Trần Thị Giang

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: giangtran2011@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/3/2021; ngày hoàn thành phản biện: 8/4/2021; ngày duyệt đăng: 15/4/2021

TÓM TẮT

Việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội đồng bào các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách dân tộc vẫn còn có những hạn chế, khó khăn, là “kẻ hở” để cho các thế lực thù địch phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”. Vì vậy, cần phải có những giải pháp tháo gỡ kịp thời để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế về mọi mặt.

Từ khóa: Chính sách dân tộc, đoàn kết dân tộc, chính sách dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. MỞ ĐẦU

Các dân tộc thiểu số (DTTS) tỉnh Thừa Thiên Huế (Tàôi, Bru -Vân Kiều, Cơ tu...) sinh sống chủ yếu ở hai huyện Nam Đông, A Lưới, một số ít cư trú ở huyện Phú Lộc, Phong Điền và thị xã Hương Trà. Với phương châm “lấy đồng bào dân tộc thiểu số làm trung tâm”, trong những năm qua, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã thực hiện tốt những chính sách dân tộc (CSDT) nhằm phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống cho các đồng bào DTTS miền núi, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội... , đời sống của đồng bào các DTTS Thừa Thiên Huế vẫn còn tiềm ẩn những bất ổn: Khoảng cách tụt hậu về kinh tế, văn hoá, xã hội so với mức bình quân chung của cả nước chưa được thu hẹp; một số vấn đề bức xúc trên các lĩnh vực đời sống văn hoá, xã hội chậm được giải quyết... Các thế lực thù địch triệt để khai thác những khiếm khuyết trên nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc (ĐĐKDT), gây mất ổn định chính trị.

Bài viết này vì vậy, tập trung làm rõ hai vấn đề cơ bản: Thực trạng việc hiện CSĐT của Đảng ở các DTTS tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian qua và các giải pháp tăng cường khối ĐĐKDT.

2. THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG

CSĐT của Đảng cộng Sản Việt Nam xuất phát từ việc tôn trọng lợi ích của mỗi dân tộc (không kể đó là dân tộc thiểu số hay đa số) nhằm khắc phục tư tưởng cục bộ, bản vị, dân tộc hẹp hòi và dân tộc lớn đối với các DTTS. Các chính sách dân tộc của Đảng đều nhằm khai thác mọi tiềm năng của đất nước để phục vụ đời sống nhân dân các dân tộc, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng miền, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, với các nguyên tắc cơ bản: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển. Quan tâm đến sự phát triển toàn diện của các dân tộc, tạo điều kiện cho các dân tộc cùng phát triển, thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, chú ý đến đặc điểm và điều kiện phát triển của mỗi vùng, miền, quan tâm đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng và kháng chiến cũ. Ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ DTTS tạo nên sự cân bằng về chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, tăng cường mối quan hệ, tạo dựng niềm tin của nhân dân vùng DTTS đối với Đảng và Nhà nước. Các nội dung đó có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau, hợp thành một thể thống nhất, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Bình đẳng dân tộc là nền tảng thực hiện đoàn kết dân tộc; có đoàn kết, thương yêu, tôn trọng giúp đỡ nhau thì mới thực hiện được bình đẳng dân tộc. Bảo đảm quyền của các DTTS có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự ổn định và phát triển của đất nước.

Thời gian qua, rất nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ Việt Nam đã được Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế triển khai và hiện thực hóa vào đời sống các DTTS:

- “Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (Chương trình 135) đã đầu tư hơn 92 tỷ đồng, chương trình đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường và củng cố kết cấu hạ tầng kỹ thuật; phát huy dân chủ cơ sở, nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật và tăng thu nhập cho người dân.

- Quyết định số 139/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về mạng lưới y tế cơ sở và khám chữa bệnh cho người nghèo; Các chương trình y tế quốc gia (tiêm chủng mở rộng, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm ...).

- Chính sách hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư theo Quyết định 33/2007/QĐ-TTg: Từ năm 2007 đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện và hoàn thành 3/9 điểm định canh, định cư tập trung cho đồng bào DTTS với nguồn hỗ trợ hơn 95,2 tỷ đồng đã góp phần tạo điều kiện cho đồng bào an cư lạc nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, khó khăn (Quyết định số 1592/QĐ-TTg và Quyết định 755/QĐ-TTg: trong giai đoạn (2011-2018), hơn 43,86 tỷ được cấp hỗ trợ cho việc khai hoang, phục hóa, cải tạo đất sản xuất; hỗ trợ mua sắm nông cụ, giống cây trồng vật nuôi và hỗ trợ học nghề... Tạo điều kiện cho đồng bào DTTS có hoàn cảnh khó khăn vươn lên làm giàu.

- Chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 56/QĐ-TTg: UBND tỉnh đã đầu tư gần 3,8 tỷ đồng (2012-2018), Chương trình góp phần phát huy tính tích cực trong công tác dân vận của người có uy tín trong xây dựng đoàn kết dân tộc (ĐKDT)".

- Các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ theo Quyết định 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (phổ cập giáo dục; chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt đối với trẻ em; bình đẳng giới đối với phụ nữ là người đồng bào DTTS).

CSDT của tỉnh Thừa Thiên Huế tập trung phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện nhằm tăng cường khối ĐKDT ở vùng đồng bào DTTS của tỉnh. Nhiều chương trình, dự án kinh tế được triển khai đã tạo ra sự chuyển biến trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của đồng bào DTTS Thừa Thiên Huế.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Hậu quả và những di chứng của chiến tranh để lại (bom đạn, sự hủy hoại môi trường, chất độc dioxin...) cùng với sự chênh lệch mức sống giữa các vùng miền đã và đang tác động đến quan hệ giữa các dân tộc, ảnh hưởng đến khối ĐKDT, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định xã hội, an ninh, quốc phòng..., phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước (trong đó có tỉnh Thừa Thiên Huế).

Những kết quả ban đầu trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng như các hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch cũng từng bước phát triển theo đã làm thay đổi diện mạo, mang lại luồng sinh khí mới cho đồng bào DTTS Thừa Thiên Huế. Kinh tế vùng đồng bào DTTS của tỉnh phát triển khá vững chắc "thu nhập năm 2018 là 27 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo từ 38,84% (2015) giảm còn 25,52% (2018)" [3, tr.4] đã tạo được niềm tin với đồng bào DTTS.

** Trên lĩnh vực chính trị*

Hệ thống chính trị vùng DTTS được củng cố vững chắc, ở hai huyện miền núi và các địa phương có đồng bào DTTS có hệ thống chính trị hoàn chỉnh từ huyện đến xã và thôn bản. Toàn vùng có 6.935 đảng viên, trong đó có 4.911 đảng viên DTTS sinh hoạt trong 112 tổ chức cơ sở đảng, 100% thôn, bản đồng bào DTTS có chi bộ (chỉ còn 1 thôn chưa có chi bộ độc lập) [3, tr.13]. Đội ngũ cán bộ đa phần qua đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ không ngừng được nâng lên, nổi bật như: TS. Nguyễn Thị Sửu (Bí thư Huyện ủy A Lưới), bác sĩ CKII Hồ

Bách Thắng (trung tâm y tế A Lưới), anh Hồ Mạnh Giang, chị Hồ Thị Liên là những Thạc sĩ tốt nghiệp tại Mỹ; chị Hồ Thị Thu Hương (giảng viên trường chính trị Nguyễn Chí Thanh), ... [3, tr.12]. Không chỉ thực hiện đầy đủ những chính sách chế độ đối với cán bộ người dân tộc theo quy định của Nhà nước, Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai nhiều chính sách ưu tiên cho cán bộ dân tộc thiểu số (tuyển dụng; trợ cấp trong quá trình đào tạo. Đặc biệt, cho phép hai huyện miền núi A Lưới và Nam Đông tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức không qua thi tuyển (có xét tuyển). Cán bộ công chức, viên chức được hai huyện tuyển dụng đa số là người DTTS [1, tr.7].

Phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể từng bước đổi mới, quy chế dân chủ ở cơ sở thực hiện một cách nghiêm túc, các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững quốc phòng - an ninh, củng cố các tổ chức đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

** Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội*

Chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học từng bước nâng cao. Tỉnh đặc biệt chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất, trường, lớp, về đội ngũ giáo viên. "Toàn tỉnh có 207 trường (trong đó có 106 trường thuộc vùng DTTS), có 41 trường đạt chuẩn Quốc gia (trong đó 18 trường thuộc vùng DTTS) và 3 trường phổ thông Dân tộc nội trú đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em đồng bào DTTS" [2, tr.6]. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho đồng bào vùng dân tộc và miền núi được quan tâm đúng mức, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 139/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về mạng lưới y tế cơ sở và khám chữa bệnh cho người nghèo, các chương trình y tế quốc gia (tiêm chủng mở rộng, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm, các cơ sở y tế và trang thiết bị y tế được tăng cường đầu tư, chất lượng khám chữa bệnh ngày được nâng lên. Hiện nay, tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ: 100%; Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước hợp vệ sinh: 86% [2, tr.2]. Nhờ những nỗ lực trên, các bệnh thường gặp ở vùng đồng bào DTTS (sốt rét, tiêu chảy, bấu cổ...) cơ bản đã giảm hẳn, sức khỏe của người dân được cải thiện.

Các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng các dân tộc thiểu số được quan tâm. Những lễ hội truyền thống (đâm trâu, Ariu piring, Ada...), ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc miền núi... được duy trì phát triển góp phần tích cực bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các DTTS.

Không chỉ có chính sách xã hội giúp đồng bào làm nhà ở, xóa nhà tạm... Tỉnh còn kêu gọi các nhà tài trợ, các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị thực hiện phong trào đền ơn, đáp nghĩa, giúp đỡ các gia đình khắc phục khó khăn để từng bước vươn lên.

** Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh*

Phong trào Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì thường xuyên. Đồng bào các DTTS cùng với cả hệ thống chính trị luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù

địch trong và ngoài nước. Các cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo, chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng xây dựng cụm tuyến an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh biên giới, an ninh nội địa. Tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng toàn dân được tăng cường góp phần tiếp tục giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn. Thực hiện Chi thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, “các xã biên giới đã xây dựng được 46 tổ tự quản đường biên, mốc Quốc giới, với 1.456 hộ gia đình tham gia. Thực hiện tốt công tác biên giới và các điều khoản trong hiệp ước kết nghĩa giữa các bản giáp ranh của 2 huyện (A Lưới - Sa Muội, A Lưới - Ka Lùm) nhằm giữ gìn đường biên giới, cột mốc biên giới, giữ gìn an ninh và cùng nhau hợp tác đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lôi kéo phản động...” [3, tr.15].

Tuy nhiên, do đặc điểm và đặc thù của đồng bào DTTS nên một số chính sách chưa đạt hiệu quả cao khi triển khai vào hiện thực đời sống; một số chính sách tác động chưa đủ mạnh do nguồn lực hỗ trợ quá hạn chế, dàn trải nên bên cạnh những thành tựu ấy, việc thực hiện chính sách dân tộc vẫn còn những hạn chế, yếu kém [1, tr.9].

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Kinh tế vùng DTTS phát triển chưa thực sự vững chắc; khối lượng sản xuất hàng hóa ít, khả năng cạnh tranh chưa cao; chưa khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ và ỷ lại làm mất đi nội lực, tính sáng tạo trong chỉ đạo và thực hiện chính sách kinh tế.

Công tác quy hoạch, kế hoạch kinh tế còn chậm, thiếu sự đồng bộ; trình độ quản lý của cán bộ quản lý và lao động trong các thành phần kinh tế còn hạn chế, nhất là khả năng thích ứng trong sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.

Tập quán sản xuất ở một số địa phương còn lạc hậu, chủ yếu lao động phổ thông; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, cách thức canh tác còn phụ thuộc vào tự nhiên; tỷ lệ ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp thấp; sản phẩm nông nghiệp chưa có tính cạnh tranh, chưa trở thành hàng hóa.

Các ngành công nghiệp quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế chưa cao, khả năng cạnh tranh thấp chưa đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Mạng lưới thương mại, dịch vụ manh mún, nhỏ lẻ, hàng hóa nghèo nàn, hệ thống dịch vụ bán các mặt hàng có chính sách trợ giá, trợ cước, thu mua tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế. Đội ngũ bán hàng chưa chuyên nghiệp, hiệu quả thấp.

** Trên lĩnh vực chính trị*

Trong lãnh, chỉ đạo còn mang nặng tính chủ quan, thiếu cụ thể, không sâu sát, chưa hiểu hết đặc thù của mỗi dân tộc, để có cách chỉ đạo phù hợp; năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã, thôn bản còn nhiều hạn chế. cán bộ khoa học - kỹ thuật có

trình độ học vấn được bố trí vào những vị trí chủ chốt chưa nhiều. Một số cán bộ có tư tưởng công thân, thỏa mãn với kết quả hiện tại, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Cán bộ là người DTTS chỉ chiếm tỷ lệ 7,07% trong tổng số cán bộ chủ chốt chính quyền cấp huyện. Ở hai huyện A Lưới và Nam Đông phần đông dân cư là DTTS, nhưng cán bộ là người DTTS cũng chỉ khoảng 10% tổng số cán bộ chủ chốt chính quyền cấp huyện của địa phương.

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc còn thiếu về số lượng và hạn chế về trình độ chuyên môn. Cán bộ biết nói tiếng dân tộc và hiểu rõ địa bàn, văn hóa của các tộc người ở địa phương rất ít, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của việc triển khai các chính sách dân tộc.

Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở thiếu thường xuyên, tư duy, lề lối làm việc của một số bộ phận cán bộ, công chức còn chậm đổi mới, trì trệ. Do đó nhiều lúc, nhiều nơi những chủ trương, chính sách và pháp luật có liên quan đến đời sống của đồng bào các DTTS đến không kịp với nhân dân... nặng hình thức, không hiệu quả [1, tr.9].

** Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội*

Chất lượng, hiệu quả của các chính sách xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa...) chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của đồng bào các dân tộc, nhu cầu hưởng thụ văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

Trình độ dân trí của vùng DTTS tương đối thấp, sự chênh lệch về chất lượng học tập của học sinh các dân tộc còn khá lớn. Việc vận động học sinh, nhất là học sinh ở các xã vùng sâu, vùng xa đến trường gặp nhiều khó khăn, vẫn còn tình trạng học sinh vùng sâu, vùng xa học nhàm lớp, bỏ học giữa chừng [3, tr.16].

Mức hưởng thụ các giá trị văn hóa của đồng bào các DTTS còn thấp, một số ở vùng sâu, vùng xa thiếu các phương tiện thu phát (tivi, radio) hoặc không biết chữ nên việc tiếp cận các ấn phẩm văn hóa lại càng khó. Những nét đặc sắc trong văn hóa của đồng bào đang có dấu hiệu mai một (đồng bào ít sử dụng trang phục của dân tộc mình, những lễ hội ngày càng đơn giản và tổ chức với quy mô nhỏ, một số chiêng, trống bị buôn bán, thất lạc). Những hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội vẫn còn tồn tại (bói toán, cờ bạc, rượu chè, ...) việc đưa các giá trị văn hóa của nhân loại đến với đồng bào DTTS gặp rất nhiều khó khăn do rào cản về ngôn ngữ và trình độ dân trí.

Công tác quản lý về văn hóa còn hạn chế, một số hộ đồng bào tự ý lắp đặt thiết bị thu truyền hình nước ngoài từ vệ tinh (TVRO) có giải mã và xem các kênh truyền hình có nội dung kích động bạo lực, các kênh khiêu dâm thiếu lành mạnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhận thức và lối sống của người dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên.

Chính sách định cư cho đồng bào khi thực hiện những công trình trọng điểm chưa thấu đáo, nhiều điểm tái định cư quy hoạch chưa khoa học, tiến độ thực hiện các đề án định canh định cư chưa đáp ứng kịp thời so với nhiệm vụ đã đặt ra... cho nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, sự ổn định cuộc sống của họ [1, tr.5].

** Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh*

Vẫn chưa có giải pháp thực sự hiệu quả cho vấn đề an toàn giao thông và ý thức thực hiện an toàn giao thông trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số. Số lượng và mức độ nghiêm trọng của các vụ tai nạn ngày càng gia tăng. Hoạt động tuyên truyền, vận động đồng bào cảnh giác nhằm chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chưa thực sự hiệu quả. Tâm lý chủ quan trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đang diễn biến phức tạp trong tình hình mới vẫn còn tồn tại ở một bộ phận cán bộ làm công tác dân tộc.

Việc di cư tự do tập trung chủ yếu ở các xã biên giới đã và đang diễn biến phức tạp, khó quán lý. Một số lực lượng phản động thâm nhập qua biên giới, móc nối với các nhóm hoạt động trong nước, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền nói xấu, xuyên tạc đường lối của Đảng và Nhà nước, lôi kéo đồng bào dân tộc theo chúng.

3. NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối ĐĐKDT tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường, tuy nhiên, có nơi, có lúc sức mạnh khối ĐĐKDT chưa được phát huy đầy đủ, vai trò, sức mạnh của nhân dân còn hạn chế; công tác đánh giá và dự báo chưa chính xác những diễn biến, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương, chính sách phù hợp... Để thực hiện CSĐT của Đảng vào việc xây dựng khối ĐĐKDT ở Thừa Thiên Huế hiện nay có hiệu quả, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

3.1. Giải pháp trên lĩnh vực chính trị

Trước hết, tiếp tục hoàn thiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước về vấn đề dân tộc theo hướng bảo đảm tính toàn diện, hiệu quả, bền vững và công bằng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về ĐĐKDT vào thực tiễn Thừa Thiên Huế.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vấn đề dân tộc, CSĐT và ĐĐKDT, đẩy mạnh việc tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng củng cố khối ĐĐKDT đến các cấp, ngành và mỗi người dân để họ nhận thức sâu sắc về sự cần thiết, quan trọng của vấn đề này [3, tr.18].

Công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS phải cụ thể, thiết thực, chính xác... nội dung tuyên truyền phải mang tính toàn diện, tập trung hướng tới các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS; chống lại những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng “dân tộc lớn” và những biểu hiện của tư tưởng “dân tộc hẹp hòi” [4, tr.97]; khơi dậy lòng tự hào dân tộc; kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu chia rẽ khối ĐĐKDT.

Thứ hai, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT vào thực tiễn Thừa Thiên Huế.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, rà soát lại hệ thống CSĐT đang được thực hiện ở Thừa Thiên Huế, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, thậm chí loại bỏ những chính sách lỗi thời và bổ sung những chính sách mới cho phù hợp với tình hình mới. Các chính sách được xây dựng có tầm vĩ mô; không chồng chéo và có tác động tương hỗ; nguồn lực thực hiện chính sách được tính toán đầy đủ và được phân bổ một cách công bằng cho các đối tượng. Để bảo đảm tính hiệu quả và bền vững, việc hình thành chính sách phải dựa trên cơ sở nhận thức đầy đủ về đặc điểm dân cư, tộc người, văn hóa, điều kiện địa lý, tự nhiên, môi trường ở các vùng dân tộc. Xây dựng chính sách theo địa bàn và trình độ phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt công tác dân vận, xây dựng khối ĐĐKDT đấu tranh chống những âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Biện pháp có tính then chốt là bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong quá thực hiện chính sách dân tộc để không đi chệch hướng trong việc giải quyết và thực hiện CSĐT; MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội là “cầu nối” liên kết giữa Đảng với dân làm cho mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân ngày càng khăng khít, đảm bảo “ý Đảng” phải hợp “lòng dân”. Chăm lo lợi ích cho dân (trong đó có DTTS), là nhiệm vụ, đồng thời cũng là mục đích của việc xây dựng khối đại đoàn kết và của cách mạng. Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn thể các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Do đó, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội cần thấm nhuần lời dạy của Bác: “Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh” [6, tr.65], phải thực sự sâu sát để hiểu tâm tư nguyện vọng của đồng bào, làm tốt công tác tuyên truyền vận động và quan tâm đến lợi ích chính đáng, hợp pháp của đồng bào.

Cấp ủy và chính quyền các cấp phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân và tôn trọng dân. Tăng cường đại diện của các dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị, kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện dân chủ, quan liêu, tham nhũng, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, rời xa dân ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính

quyền địa phương với các đơn vị quân đội, các đồn biên phòng đóng trên địa bàn vùng DTTS góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh nhằm đánh bại âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh.

Thứ tư, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng các DTTS tỉnh Thừa Thiên Huế đối với việc xây dựng, củng cố khối ĐĐKDT.

Già làng, trưởng bản có vai trò và uy tín nhất trong cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS. Họ có tiếng nói quyết định điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng; là hạt nhân quy tụ đoàn kết bản làng, các dân tộc, các tôn giáo, đồng thời tham gia bảo vệ an ninh trật tự biên giới, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, kiên quyết đấu tranh chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của kẻ địch... Cần nâng cao bồi dưỡng nâng cao nhận thức về mọi mặt cho đội ngũ này phù hợp với yêu cầu công tác quản lý ở địa phương trong tình hình mới.

3.2. Giải pháp trên lĩnh vực kinh tế

Thứ nhất, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có trọng điểm nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số vừa là điều kiện vừa là giải pháp quan trọng để rút ngắn khoảng cách giữa các vùng miền. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, có kế hoạch khoa học, tránh sự đầu tư nửa chừng, gián đoạn trong quá trình thực hiện..., triển khai thực hiện dự án đường Cam Lộ - Túy Loan qua Nam Đông, đường 74 nối huyện Nam Đông - A Lưới ..., khai thông thể bế tắc ngõ cụt, kết nối với đô thị trung tâm, kết nối vùng, kết nối điểm du lịch, tạo động lực phát triển kinh tế [3, tr.7].

Thứ hai, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế hàng hóa đồng thời có những chính sách thu hút vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và phát triển vùng DTTS.

Quan tâm tổ chức sản xuất cho đồng bào, hướng dẫn kỹ thuật canh tác; mở rộng sản xuất theo mô hình kinh tế hộ, mô hình trang trại, mô hình hợp tác xã kiểu mới, phát triển kinh tế hàng hóa. Thay đổi phương thức sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào DTTS. Có chính sách hợp lý để hỗ trợ đầu ra cho nông sản của vùng, xây dựng một số chuỗi ngành hàng chiến lược phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước, trọng tâm là sản xuất nông - lâm nghiệp, nhằm kết nối thị trường cho các sản phẩm được đầu tư phát triển. Tạo điều kiện tốt nhất để đồng bào DTTS được tham gia vào các chuỗi sản phẩm này.

Thứ ba, tập trung đầu tư phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn của vùng dân tộc thiểu số.

Dựa vào thế mạnh của vùng để phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng; tập trung vào các lĩnh vực may mặc, đồ gỗ gia dụng, chế biến

mủ cao su, lâm sản, nông sản, sửa chữa cơ khí nhỏ, chổi đót... nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm và phát triển bền vững.

Tận dụng lợi thế của địa hình chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, sinh thái... phát triển nuôi cá nước ngọt ở những hồ ao tự nhiên và nhân tạo trong mô hình VAC, VRAC từ đó giải quyết việc làm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào DTTS.

Tiếp tục duy trì và phát triển nghề thủ công truyền thống và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho đồng bào DTTS đồng thời phục vụ cho du lịch như dệt Zèng, đan lát, mây tre,...

Có chính sách thu hút vốn đầu tư từ ngoài tỉnh và nước ngoài vào các ngành mũi nhọn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho một số địa bàn trọng điểm... cần thu hút các nguồn vốn viện trợ khác từ các chương trình và dự án quốc gia nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa trên địa bàn vùng DTTS.

Thú t, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng theo đúng chính sách của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Thực hiện giao đất - giao rừng cho đồng bào DTTS, tạo điều kiện để đồng bào khai thác lợi ích kinh tế từ rừng và nâng cao trách nhiệm trong công tác bảo vệ và khai thác rừng một cách có hiệu quả. Tăng cường quản lý nhà nước về quản lý rừng và đất rừng nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm, chặt phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ để trồng rừng sản xuất [3, tr.12].

3.3. Giải pháp trên lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS.

Nguồn nhân lực chất lượng thấp chính là rào cản lớn để miền núi tiến kịp với miền xuôi; Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là “chìa khóa vạn năng” đưa các DTTS và miền núi tham gia vào cánh cửa hội nhập của xã hội. Có chính sách, kế hoạch trong công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên có năng lực, trình độ sư phạm từng dân tộc; khuyến khích sinh viên sư phạm giỏi lên công tác ở vùng DTTS, phát triển đội ngũ giáo viên người DTTS ở địa phương; xây dựng chương trình và phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học của từng dân tộc, từng vùng trên cơ sở hai ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ phổ thông.

Triển khai có hiệu quả chính sách đặc thù đối với con em các dân tộc sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học. Duy trì và mở rộng hệ thống trường dân tộc nội trú trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chính sách an sinh xã hội trên địa bàn DTTS và miền núi.

Cần có những chính sách nhằm phát triển kinh tế hàng hóa ở miền núi, phát triển nhanh các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp mà địa phương có thế mạnh để giải

quyết việc làm cho đồng bào. Thực hiện xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho đồng bào vùng DTTS, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo và sử dụng lao động là người DTTS.

Thay đổi quan điểm tiếp cận giảm nghèo đối với DTTS; từng bước giảm dần chính sách bao cấp, hỗ trợ trực tiếp chuyển sang chính sách đầu tư cho cộng đồng, nâng cao năng lực nội sinh và thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình.

Phát triển y tế cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội: Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và xây dựng đội ngũ y bác sĩ cho các trung tâm/trạm y tế cơ sở để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của đồng bào. Chú trọng hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, phấn đấu trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ 10 loại vắc xin, Phối hợp chặt chẽ với bộ đội biên phòng, các đơn vị quân đội để khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho đồng bào, tuyên truyền thực hiện cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỷ lệ sinh con thứ ba, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

- Thực hiện tốt việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người, chống lại các hủ tục lạc hậu, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào, khơi dậy sức mạnh nội lực, tính tích cực của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐKDT.

Giải pháp hiệu quả để bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS chính là xác định văn hóa là nền tảng để thúc đẩy du lịch phát triển bền vững. Đồng thời, phát triển du lịch nhằm tạo nguồn lực và điều kiện thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa của các huyện miền núi. Lồng ghép các loại hình du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái, tạo được mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu về văn hóa, môi trường cảnh quan, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư, bài trừ các hủ tục lạc hậu như: ma chay, cưới xin, mê tín dị đoan, loại bỏ những tư tưởng phản văn hóa ra khỏi đời sống tinh thần của các DTTS [2, tr.11].

4. KẾT LUẬN

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của từng địa phương và cả nước. Giải quyết những vấn đề có liên quan đến dân tộc, tôn giáo (đúng, sai, phù hợp hay không phù hợp) đều ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước, uy tín, vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Thực hiện đúng CSĐT là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng, góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc vững mạnh, nâng cao sức mạnh quốc phòng, an ninh của từng địa phương và trong cả nước.

Thực hiện nhất quán nguyên tắc của Đảng trong công tác dân tộc và CSDT: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển” [5, tr.70], tỉnh Thừa Thiên Huế đã tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả CSDT, đảm bảo bình đẳng, tăng cường hợp tác giữa các dân tộc, xây dựng khối ĐĐKDT tạo nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng bản, làng ngày càng giàu đẹp, văn minh, góp phần đưa Thừa Thiên Huế đến năm 2025 xứng tầm là thành phố trực thuộc Trung ương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (2018), *Báo cáo tổng kết chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020, định hướng chính sách giai đoạn 2021 - 2025*, Thừa Thiên Huế.
- [2]. Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*, Thừa Thiên Huế.
- [3]. Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (2019), *Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ III - năm 2019*, Thừa Thiên Huế.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Đình Minh (2016), *Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đậu Tuấn Nam (chủ biên) (2010), *Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay: Sách tham khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Phan Văn Hùng (chủ biên) (2015), *Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay: Sách tham khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

CURRENT SITUATION OF IMPLEMENTATION OF THE PARTY'S ETHNIC POLICIES AND SOLUTIONS TO STRENGTHEN THE GREAT NATIONAL UNITY BLOC IN THUA THIEN HUE PROVINCE TODAY

Tran Thi Giang

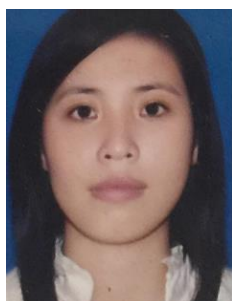
Faculty of Political Theory, University of Sciences, Hue University

Email: giangtran2011@gmail.com

ABSTRACT

The implementation of the Party's ethnic policies in Thua Thien Hue province now contributes to changing the economic, cultural, and social appearance of ethnic minorities. However, the process of implementing these policies still has limitations and difficulties, which are "loopholes" for the hostile forces to destroy the great national unity bloc in order to carry out the plot "peaceful evolution". As a result, it's necessary to have timely disassembly solutions to strengthen the great national unity bloc for sustainable development in Thua Thien Hue province in all aspects.

Keywords: ethnic policy, ethnic policy of Thua Thien Hue province, national unity.



Trần Thị Giang sinh ngày 20/11/1987 tại Quảng Bình. Bà tốt nghiệp Đại học năm 2010 và Thạc sỹ năm 2013 chuyên ngành Triết học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện bà đang công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học, Chủ nghĩa xã hội Khoa học.

